

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

BÀI: Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024

**THUỘC NHIỆM VỤ
THU THẬP, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG
TIN PHỤC VỤ TRIỂN KHAI HIỆP ĐỊNH CPTPP NĂM 2024**

Hà Nội, 2024

Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024

Hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang nhóm các thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024 tiếp tục ghi nhận những dấu hiệu tích cực, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của xuất khẩu gạo đến toàn cầu. Với những tín hiệu tích cực từ thị trường, xuất khẩu gạo dự kiến sẽ đạt kỷ lục trong năm 2024. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến hết tháng 8/2024, cả nước đã gieo cấy được gần 6,6 triệu ha lúa; thu hoạch ước đạt 4,45 triệu ha; sản lượng thu hoạch ước đạt hơn 28,7 triệu tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái; lũy kế 8 tháng năm 2024, xuất khẩu gạo đạt trên 3,8 tỷ USD, tăng hơn 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng xuất khẩu đạt gần 6,2 triệu tấn, tăng gần 6%.

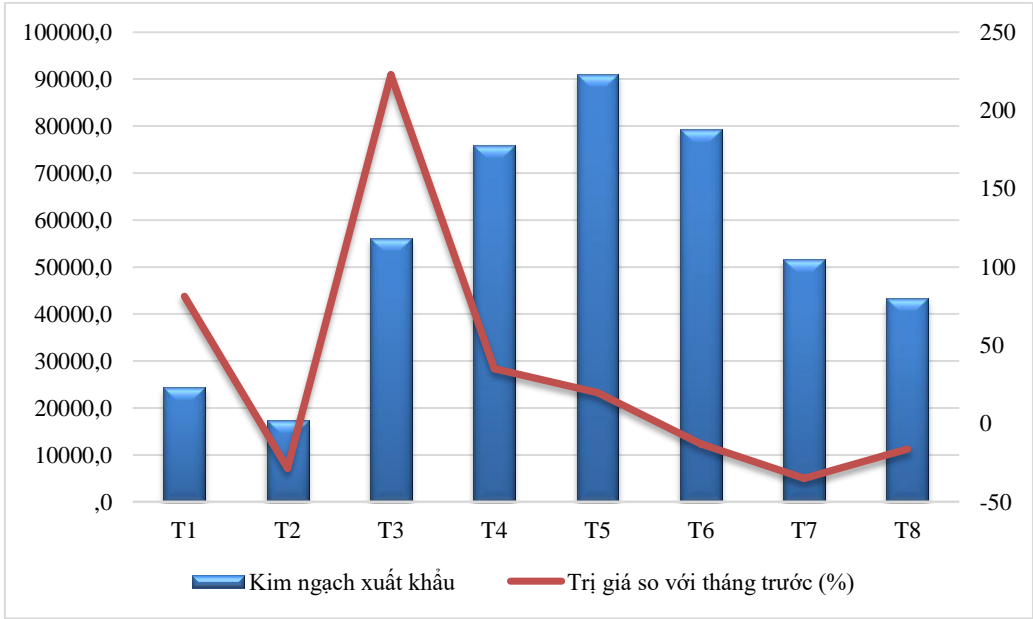
Nhìn chung, trong năm 2024, xuất khẩu gạo của Việt Nam đến các thị trường được tạo điều kiện thuận lợi từ tình hình khu vực và quốc tế, nhiều quốc gia sản xuất gạo hàng đầu ban hành lệnh cấm xuất khẩu khiến nguồn cung của nhiều thị trường bị hạn chế. Trong khi đó, chất lượng gạo Việt Nam ngày càng được chú trọng và nâng cao, đáp ứng nhu cầu cũng như thị hiếu tiêu dùng của nhiều thị trường lớn trên thế giới. Đáng chú ý, nhiều doanh nghiệp đã chủ động hơn trong việc kết nối tiêu thụ và đàm phán thành công các hợp đồng lớn với các đối tác, thậm chí có những doanh nghiệp đã tìm kiếm thêm nhiều đối tượng khách hàng mới, nhờ đó các đơn hàng xuất khẩu được duy trì và giá gạo trong nước cũng được đảm bảo.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính riêng tháng 8/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường thành viên CPTPP đạt 45,37 triệu USD, giảm 15,33% so với tháng 7/2024; lượng đạt 72,45 nghìn tấn, giảm 17,90%; mức giảm đã thấp hơn so với mức giảm trong tháng 7 so với tháng liền trước, cho thấy các doanh nghiệp đang tăng tốc mạnh mẽ cho các tháng cuối năm. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP đạt 751,39 nghìn tấn, kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 459,66 triệu USD, tăng tới 108,4%

về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

Biểu đồ 1: Trị giá xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP hàng tháng năm 2024

ĐVT: Nghìn USD, %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

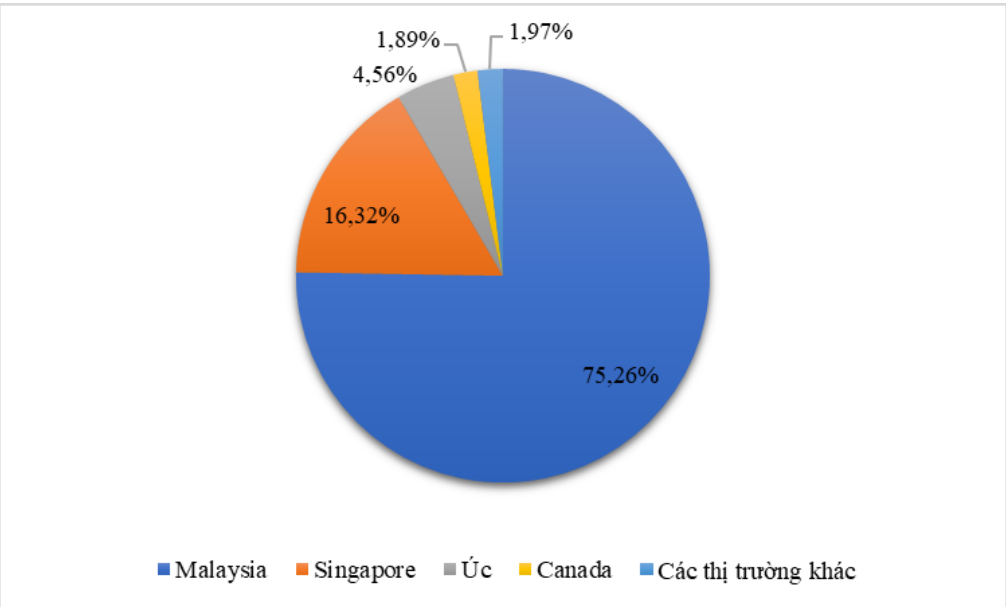
Mặc dù có nhiều cơ hội phát triển, song trong năm 2024, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức: Thứ nhất là khó khăn đến từ tình hình chính trị - kinh tế toàn cầu có nhiều biến động lớn, các cuộc xung đột vẫn tiếp diễn và có nguy cơ leo thang căng thẳng; Thứ hai nguồn cung gạo toàn cầu giảm (do chịu tác động từ lệnh cấm xuất khẩu gạo của một số thị trường như Ấn Độ, UAE, Nga); Thứ ba hiện tượng El Nino, biến đổi khí hậu, thiên tai ở nhiều quốc gia, ở Việt Nam càng về cuối năm tình hình mưa bão, lũ lụt xuất hiện ở nhiều địa phương trong nước đã gây thiệt hại nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Dự báo, từ nay đến cuối năm, mưa bão sẽ diễn biến phức tạp ở nhiều quốc gia trên toàn cầu, đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu phải có kế hoạch ứng phó.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo sang thị trường CPTPP

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024 tăng đáng kể cả về sản lượng và trị giá. Trong đó: Malaysia, Singapore, Úc và Canada tiếp tục giữ vững vị trí là 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong khối, với tỷ trọng lần lượt về trị giá là 75,26%; 16,32%, 4,56% và 1,89%.

Biểu đồ 2: Nhóm 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất trong nhóm thị trường thành viên CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024 (% tính theo trị giá)

DVT: %



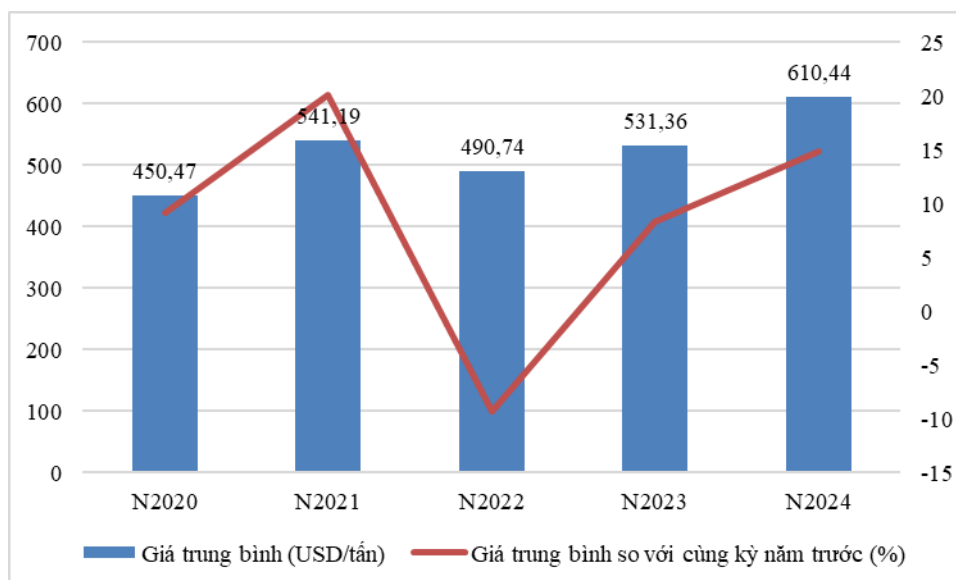
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu gạo trung bình đạt 610,44 USD/tấn, tăng 14,88% so với 8 tháng đầu năm 2023. Trong 8 tháng đầu năm giai đoạn 2020 – 2024, giá gạo xuất khẩu trung bình đạt 524,84 USD/tấn. Hiện nay, gạo là một trong 5 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất trong toàn ngành nông nghiệp, cùng với các mặt hàng khác là gỗ và sản phẩm từ gỗ, cà phê, rau quả và thủy sản.

Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục ở mức cao là do nhu cầu nhập khẩu lương thực của các nước trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là tại các thị trường truyền thống của Việt Nam như: Malaysia, Singapore, Indonesia ...

Biểu đồ 3: Giá gạo xuất khẩu trung bình 8 tháng đầu năm giai đoạn 2020 - 2024 và tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ các năm liền trước

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Theo thông tin từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), đến tháng 8/2024, giá gạo của Việt Nam tăng đáng kể so với giá gạo của các nước Thái Lan và Pakistan. Thông thường, các nước sẽ tăng nhập khẩu gạo vào những tháng cuối năm để phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước khi các dịp lễ tết đang đến gần. Năm nay, nhiều đối tác truyền thống thông báo sẽ nhập khẩu lượng gạo lớn hơn so với dự tính của các doanh nghiệp, vì vậy xuất khẩu gạo có thể sẽ lập kỷ lục về lượng và trị giá trong năm nay.

Hiện nay, nhiều giống gạo của Việt Nam được đánh giá đạt chất lượng hàng đầu thế giới. Điển hình như bộ giống lúa thơm ngắn ngày của Việt Nam, mỗi năm có thể sản xuất 2-3 vụ, năng suất cao, đây là những giống gạo đạt chất lượng cao mà các nước xuất khẩu gạo lớn như Ấn Độ hay Thái Lan không có. Điều này cũng tạo cơ hội cho gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng sức cạnh tranh và dễ dàng thâm nhập hơn vào các thị trường lớn.

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Tên thị trường	Tháng 8/2024		So với tháng 7/2024 (%)		8 tháng đầu năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	72.453	45.366	-17,90	-15,33	751.391	459.663	100,00	100,00
Malaysia	53.142	31.757	-22,11	-19,59	582.872	345.936	77,57	75,26
Singapore	10.811	7.005	-13,38	-14,85	114.944	75.017	15,30	16,32
Úc	5.595	4.333	33,06	26,14	26.212	20.978	3,49	4,56
Canada	888	768	2,59	10,51	13.422	8.691	1,79	1,89
New Zealand	1.270	951	0,80	2,23	10.320	6.385	1,37	1,39
Nhật Bản	500	374	7,19	9,25	1.869	1.478	0,25	0,32
Chile	201	146	-72,39	-66,80	1.359	854	0,18	0,19
Mexico	46	34			281	217	0,04	0,05
Brunây		0			65	62	0,01	0,01
Peru		0	-100,00	-100,00	47	43	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

- **Thị trường Malaysia:**

Malaysia là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong thị trường CPTPP với lượng xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt 582,87 nghìn tấn, trị giá 345,94 triệu USD; chiếm tỷ trọng 77,57% về lượng và 75,26% về trị giá trong các thị trường xuất khẩu gạo thuộc thị trường CPTPP.

Gạo là cây trồng quan trọng thứ ba của Malaysia, sau dầu cọ và cao su. Gạo cũng là thành phần chính trong bữa ăn của người dân Malaysia, phổ biến trong cả sản xuất và tiêu dùng hàng ngày. Đây là một thị trường truyền thống và nhiều tiềm

năng của Việt Nam trong những năm qua, đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu gạo chung của cả nước.

Bảng 2: Một số chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Malaysia trong 8 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Chủng loại	Tháng 8 năm 2024				8 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	So với tháng 7/2024	Trị giá	So với tháng 7/2024	Lượng	Trị giá	Tỷ trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo trắng	23.237	-22,54	13.195	-22,76	492.615	285.006	69,73	68,07
Gạo nếp	3.472	-13,69	2.127	-21,54	73.165	44.955	10,36	10,74
Gạo tằm	14.162	-49,95	8.088	-49,78	70.938	40.430	10,04	9,66
Gạo thơm	9.182	83,90	6.245	87,66	57.941	39.887	8,20	9,53
Gạo giống Nhật	3.062	734,30	2.080	765,28	11.647	8.302	1,65	1,98
Gạo lứt		-100,00	0	-100,00	89	65	0,01	0,02
Gạo huyết rồng	26		23		52	45	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xét về chủng loại, gạo trắng là loại gạo Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia nhiều nhất. Tính riêng tháng 8/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo trắng sang Malaysia đạt 13,20 triệu USD, giảm 22,76% so với tháng 7/2024; lượng đạt 23,24 nghìn tấn, giảm 22,54%. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo trắng đạt 285,01 triệu USD, chiếm tỷ trọng 68,07% tổng các chủng loại xuất khẩu sang Malaysia; lượng đạt 492,62 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 69,73%. Ngoài ra, Việt Nam

còn xuất khẩu nhiều gạo nếp, gạo tằm và gạo thơm sang thị trường Malaysia, với tỷ trọng lần lượt tính theo trị giá là 10,74%; 9,66% và 9,53%.

Bảng 3: Nhóm các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Malaysia trong 6 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Nguồn cung	Tháng 6/2024	So với Tháng 6/2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Thế giới	121.581	268,48	705.919	157,91	100,00	100,00
Việt Nam	65.001	613,12	222.459	121,88	36,63	31,51
Ấn Độ	24.175	178,55	151.259	112,15	26,05	21,43
Pakistan	21.389	438,90	183.466	275,74	17,84	25,99
Thái Lan	8.004	-6,51	115.770	327,99	9,88	16,40
Campuchia	2.730	2,48	25.589	67,87	5,57	3,62
Myanmar	200		6.993	-34,32	3,89	0,99
Đài Loan	60		136		0,00	0,02
Nhật Bản	22	175,00	249	-16,44	0,11	0,04

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

- **Thị trường Singapore**

Singapore là một trong 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2024. Tính riêng tháng 8/2024, cả lượng và trị giá xuất khẩu gạo đều ghi nhận mức giảm nhẹ so với tháng 7/2024; với lượng và trị giá lần lượt đạt 10,8 nghìn tấn, giảm 13,38% và 7,01 triệu USD, giảm 14,85%. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Singapore đạt 75,02 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16,32%; lượng đạt 114,94 nghìn tấn, chiếm 15,30%.

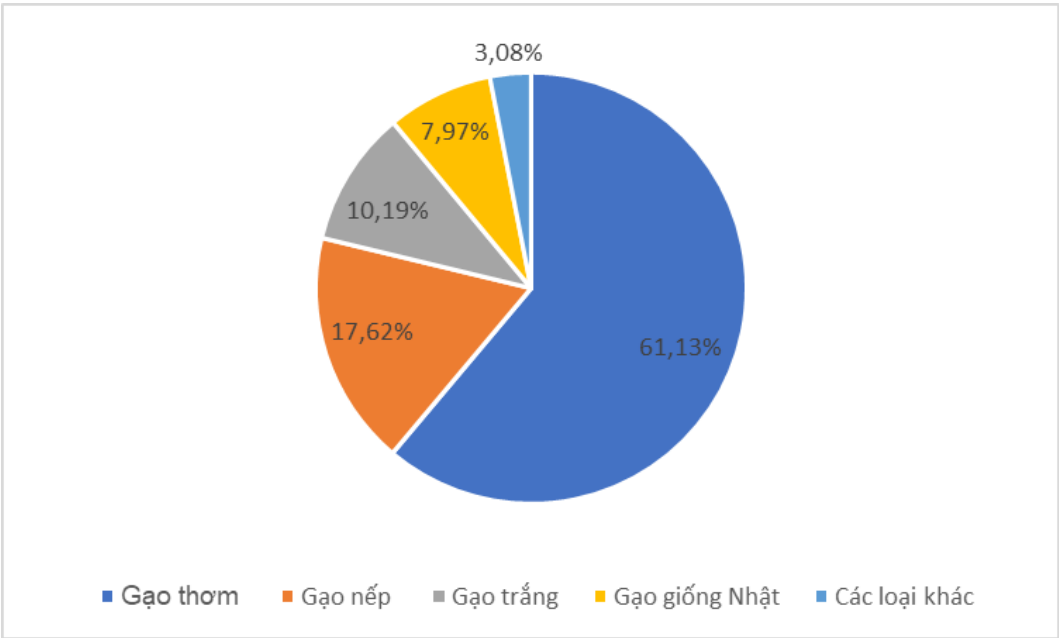
Các chủng loại gạo xuất khẩu sang Singapore chủ yếu là gạo thơm, gạo nếp, gạo trắng và gạo giống Nhật. Trong đó, gạo thơm là mặt hàng ghi nhận sản lượng

và kim ngạch cao nhất trong 8 tháng đầu năm 2024, lần lượt là 82,05 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 60,83% và 51,29 triệu USD, chiếm tỷ trọng 61,13%.

Các chủng loại gạo nếp, gạo trắng và gạo giống Nhật chiếm tỷ trọng về trị giá lần lượt là 17,62%; 10,19% và 7,97%. Riêng gạo huyết rồng là loại gạo xuất khẩu sang Singapore ít nhất, với tỷ trọng về trị giá chỉ chiếm 0,14% tổng các chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường này.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng các chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Singapore trong 8 tháng đầu năm 2024 (tỷ trọng tính theo trị giá)

DVT: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan quản lý doanh nghiệp Singapore, trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị nhập khẩu gạo từ thế giới của thị trường Singapore tăng khá cao ở mức 13,62% so với cùng kỳ năm 2023, đạt gần 224,5 triệu SGD.

Tham tán thương mại, Trưởng thương vụ Việt Nam tại Singapore cho biết, hiện nay Thái Lan, Ấn Độ và Nhật Bản đang là các đối thủ cạnh tranh lớn nhất của Việt Nam trên thị trường gạo Singapore. Nhu cầu tiêu thụ gạo mỗi năm tại Singapore tương đối ổn định, ở mức 300 đến 400 triệu SGD/năm.

Việt Nam giữ vị trí quán quân về xuất khẩu gạo vào thị trường Singapore trong 2 quý liên tiếp của năm 2024. Đáng chú ý, sản phẩm gạo Việt Nam không chỉ tiêu thụ tại thị trường Singapore mà còn được các doanh nghiệp Singapore xuất khẩu đi các nước khác trên thế giới. Vì vậy, các doanh nghiệp cần lưu ý vai trò địa bàn trung chuyển quan trọng của Singapore, chứ không chỉ là địa bàn gần 6 triệu dân của quốc đảo.

Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Singapore trong 7 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Nguồn cung	Tháng 7/2024	So với Tháng 7/2023 (%)	7 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng đầu năm 2024 (%)
Thế giới	33.430	26,36	200.162	14,83	100,00	100,00
Việt Nam	8.464	33,59	62.958	50,54	23,99	31,45
Thái Lan	8.018	-3,51	60.526	11,06	31,26	30,24
Ấn Độ	14.883	47,82	58.298	-11,49	37,79	29,13
Campuchia	666	212,68	5.962	134,45	1,46	2,98
Nhật Bản	592	-15,31	4.973	-0,72	2,87	2,48
Pakistan	95	-52,97	2.393	583,71	0,20	1,20

Đài Loan	54	-61,15	1.455	41,67	0,59	0,73
Myanmar	253	39,01	1.222	19,80	0,59	0,61
Hoa Kỳ	42	-76,80	715	-2,05	0,42	0,36
Úc	163		685	3,32	0,38	0,34
Trung Quốc	112	314,81	335	151,88	0,08	0,17
Ý	38	40,74	195	-2,01	0,11	0,10
Canada	0		155		0,00	0,08
Bangladesh	0	-100,00	141	-53,00	0,17	0,07
Hàn Quốc	10		37	-32,73	0,03	0,02
Tây Ban Nha	1	-80,00	34	13,33	0,02	0,02
Malaysia	7	-53,33	33	-50,75	0,04	0,02
Sri Lanka	23	2200,00	24	500,00	0,00	0,01
Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất Quốc gia ở Trung Đông	11		11		0,00	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Cơ cấu chủng loại mặt hàng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP

Đứng đầu trong các chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024 tiếp tục là loại Gạo trắng; tính riêng trong tháng 8/2024, sản lượng gạo trắng đạt 25,19 nghìn tấn, giảm 26,35% so với tháng 7/2024, trị giá 14,43 triệu USD, giảm 24,07%; lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu sang thị trường CPTPP đạt 515,82 nghìn tấn, kim ngạch đạt 298,45 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,97% về lượng và 54,64% về trị giá trong tổng các chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường này.

Bảng 5: Chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường thuộc thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng – tấn

Chủng loại	Tháng 8 năm 204				8 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	So với tháng 7/2024	Trị giá	So với tháng 7/2024	Lượng	Trị giá	Tỷ trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo trắng	25.189	14.431	-26,35	-24,07	515.815	298.446	56,97	54,64
Gạo thơm	20.725	14.446	-1,14	31,95	174.913	114.584	19,32	20,98
Gạo nếp	4.579	2.808	-40,08	-42,88	98.488	60.461	10,88	11,07
Gạo tằm	14.959	8.642	-47,43	-46,76	75.743	43.825	8,37	8,02
Gạo giống Nhật	6.407	4.678	105,07	95,50	36.203	26.934	4,00	4,93

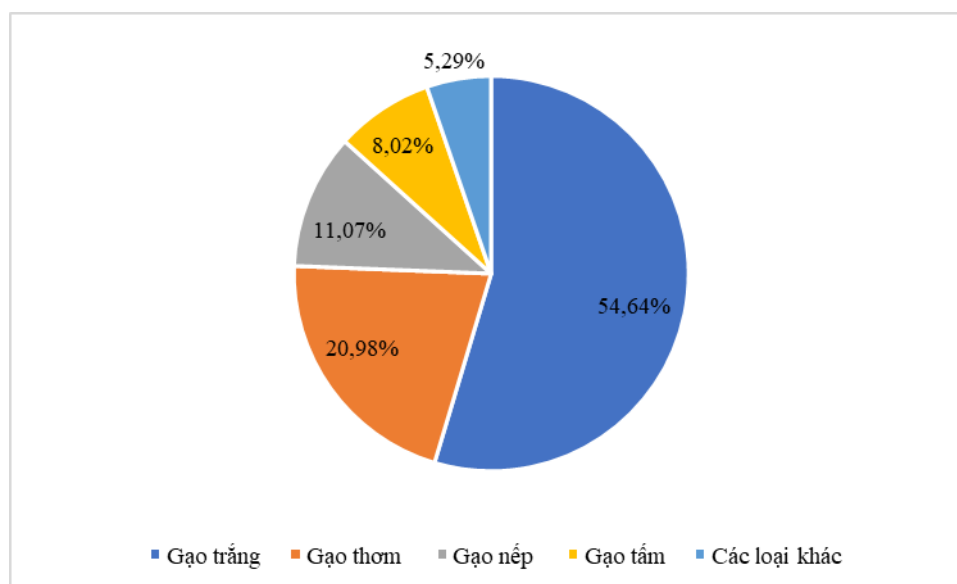
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xếp ở vị trí thứ hai trong nhóm này là chủng loại Gạo thơm với lượng trong tháng 8/2024 đạt 20,73 nghìn tấn, giảm nhẹ 1,14% so với tháng 7/2024 và kim ngạch đạt 14,45 triệu USD, tăng 31,95%. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu sang các nước thuộc thị trường CPTPP tổng 114,58 triệu USD mặt hàng gạo thơm; lượng đạt 174,91 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 19,32% về lượng và 20,98% về trị giá trong cơ cấu chủng loại chung.

Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu thêm nhiều chủng loại gạo khác như gạo thơm, gạo nếp và gạo tằm, với tỷ trọng lần lượt theo trị giá đạt 20,98%; 11,07% và 8,02% ... Trong đó, loại Gạo Calrose chiếm tỷ trọng thấp nhất trong cơ cấu chủng loại chung, với kim ngạch trong 8 tháng đầu năm 2024 chỉ đạt 53 nghìn USD, sản lượng 72 tấn, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chung.

Biểu đồ 5: Cơ cấu tỷ trọng các nhóm mặt hàng gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Đánh giá triển vọng và dự báo.

Mặc dù thị trường có nhiều biến động, song giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, điều này hứa hẹn xuất khẩu gạo sẽ tăng trưởng mạnh trong các tháng cuối năm.

Dự báo trong những tháng cuối năm 2024, thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều điểm sáng. Trong bối cảnh Ấn Độ - quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới – đang hạn chế xuất khẩu, Việt Nam có nhiều cơ hội tăng cường xuất khẩu sang các thị trường có nhu cầu. Bên cạnh đó, chất lượng gạo Việt Nam đang ngày càng được cải thiện, đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường khó tính như Úc, Nhật Bản ... góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu vào nhóm các nước CPTPP. Sự phát triển của các giống lúa chất lượng cao, cùng với cải tiến quy trình canh tác, chế biến và bảo quản, đã giúp Việt Nam không chỉ duy trì được lượng gạo xuất khẩu mà còn nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Để tiếp tục duy trì các đơn hàng xuất khẩu tại các nước CPTPP, doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần phải đảm bảo về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm

và tuân thủ các quy định khắt khe của các thị trường nhập khẩu. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tích cực hơn trong việc tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thị trường, nắm bắt sự thay đổi và thường xuyên theo dõi thông tin chính sách liên quan đến ngành hàng để có chiến lược xuất khẩu phù hợp.